

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**  
**TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Xuân Oanh – Ông Nguyễn Công Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hưng Phúc – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B - sinh năm: 1995. Có mặt

Địa chỉ: Khối 2, phường C, thành phố Vinh, Nghệ An

*Bị đơn:* Anh Phạm Xuân T - sinh năm: 1990. Vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Khối 2, phường C, thành phố Vinh, Nghệ An

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Chị B và anh T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2015 tại UBND phường C, thành phố Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 3/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau; trong cuộc sống hôn nhân

vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị B và anh T có một con chung là Phạm Thục Anh, sinh ngày 19/8/2015. Hiện nay cháu Thục Anh đang sống với chị B. Ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Xuân T vắng mặt nhưng anh T có đã bản tự khai và anh T trình bày: Anh T trình bày về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị B đã trình bày. Anh T cho rằng trong thời gian chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bắt đầu năm 2017 thì anh vào Long An để làm việc và sinh sống từ đó đến nay, thì thoảng anh mới về thăm nhà. Anh chị sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung như chị B trình bày là đúng. Hiện nay, cháu đang sống cùng với chị B. Nay ly hôn, do đang công tác làm việc ở xa nên anh có nguyện vọng giao cháu Phạm Thục Anh, sinh ngày 19/8/2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tại điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: về tình cảm: Xử cho chị B được ly hôn với anh T.

Về con: Đề nghị giao cháu Phạm Thục Anh, sinh ngày 19/8/2015 cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản: Chị B, anh T tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét

Về án phí: Chị B phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và con chung, bị đơn anh Phạm Xuân T có hộ khẩu tại thành phố Vinh, anh T hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Long An nhưng đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Vinh giải quyết vụ án. Nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

- Về mối quan hệ tình cảm: Căn cứ vào lời khai của chị B, anh T và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Chị Lê Thị B và anh Phạm Xuân T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2015 tại UBND phường C, thành phố Vinh, Nghệ An. Quá trình hôn nhân của chị B và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị B và anh T sống hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng đến tháng 03/2019 thì chị B và anh T sống ly thân cho đến nay. Nay chị B

và anh T đều cho rằng tình cảm không còn nên thuận tình ly hôn. Vì vậy, xét thấy chị B và anh T đã sống ly thân thời gian dài, đã xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị B được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị B và anh T có một con chung Phạm Thục Anh, sinh ngày 19/8/2015. Ly hôn chị B và anh T đều thống nhất giao con chung là Phạm Thục Anh, sinh ngày 19/8/2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị B không yêu cầu. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của chị B, anh T không trái với đạo đức xã hội, đúng quy định pháp luật và đảm bảo được quyền lợi cho cháu Thục Anh nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị B, anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu án phí HNGĐ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí.

Xử : 1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thục Anh, sinh ngày 19/8/2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành; Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc

thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị B và anh Phạm Xuân T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai số 0003554 ngày 27/4/2021.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND TP. Vinh
- Chi cục THADS TP. Vinh
- UBND p. C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Minh Hiền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**